

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 667/2025/DS-PT
Ngày: 25/11/2025
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản và
đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Định.

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Trang Thư.

Bà Đào Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Hồng Nhi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 351/2025/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp di sản thừa kế và đòi lại tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 169/2025/DS-ST, ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 719/2025/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm 1962. HKTT: Ấp T, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang nay là xã T, thành phố Cần Thơ. Địa chỉ liên hệ: Hẻm C đường H, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nay là hẻm C đường H, phường B, thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1984. Địa chỉ: G (Đối diện G), đường P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ nay là số 77B/18 (Đối diện 77B/49), đường P, phường N, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị K, sinh năm 1943. Chết ngày 27/4/2019.

Những người thừa kế tố tụng của bà Trần Thị K:

+ Ông Trần Ân L, sinh năm 1971. Địa chỉ: 2 T, thành phố R, tỉnh Kiên Giang nay là số B T, phường R, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

+ Ông Trần Ân T, sinh năm 1973. Địa chỉ: 2 T, thành phố R, tỉnh Kiên Giang nay là số B T, phường R, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

+ Bà Trần Thị Ân K1, sinh năm 1945. Địa chỉ: Đ: 2 T, thành phố R, tỉnh Kiên Giang nay là số B T, phường R, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

2. Bà Trần Mỹ C, sinh năm 1945. Địa chỉ: Ấp K, xã A, huyện M, thành phố Cần Thơ nay là ấp K, xã A, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

3. Bà Trần Thị Mỹ V, sinh năm 1958. Chết ngày 26/11/2016. Không có người thừa kế tố tụng.

4. Ông Trần Ngọc C1, sinh năm 1958. Chết ngày 10/4/2016.

Những người thừa kế tố tụng của ông Trần Ngọc C1:

+ Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1957. (Vắng mặt).

+ Ông Trần Anh H1, sinh năm 1987. (Vắng mặt).

+ Ông Trần Anh H2, sinh năm 1991. (Vắng mặt).

+ Ông Trần Tuấn H3, sinh năm 1994. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang nay là ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

+ Ông Trần Anh T1. Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang nay là ấp L, xã T, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

+ Ông Trần Anh K2, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp S, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang nay là ấp S, xã P, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

+ Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1984. Địa chỉ: G (Đổi diện G), đường P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ nay là số 77B/18 (Đổi diện 77B/49), đường P, phường N, thành phố Cần Thơ. (có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị Thu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án, quyết định bản án sơ thẩm và nội dung kháng cáo được tóm tắt như sau:

** Nguyên đơn trình bày:*

Cha, mẹ của ông là ông Trần Văn C2 (chết năm 1998) và bà Lâm Thị D (chết năm 1999) có tổng cộng 06 người con là: Bà Trần Thị K, sinh năm 1943 - chết năm 2019; Bà Trần Mỹ C, sinh năm 1945; Bà Trần Thị Tuyết P, sinh năm 1953 - chết ngày 15/03/2016; Bà Trần Mỹ V, sinh năm 1954 – chết năm 2016; Ông Trần Ngọc C1, sinh năm 1958 – chết 2016 và ông Trần Văn N, sinh năm 1962. Ông N xác nhận lúc sinh thời cha mẹ ông không có con riêng hoặc con nuôi nào khác. Chị ruột ông là bà Trần Thị Tuyết P không có chồng con, bà P chết không để lại di chúc và có để lại một căn nhà và đất tọa lạc tại G đường P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ. Hiện căn nhà này do bà Trần Thị Thu H là con của ông Trần Ngọc C1 quản lý, sử dụng.

Do đó, ông N khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Thu H giao trả lại căn nhà và đất là tài sản thừa kế của bà Trần Thị Tuyết P để lại để chia đều cho các thừa kế bao gồm: Ông Trần Văn N, bà Trần Mỹ C, bà Trần Thị K (chết) - có những người thừa kế tố tụng gồm: Trần Ân L, Trần Ân T, Trần Ân K1; Ông Trần Ngọc C1 (chết) – Những người thừa kế tố tụng bao gồm: Nguyễn Thị N1, Trần Anh H4, Trần Anh H2, Trần Tuấn H3, Trần Anh T1, Trần Anh K2 và Trần Thị Thu H.

** Bị đơn bà Trần Thị Thu H trình bày:*

Bà xác nhận bà đang sinh sống tại địa chỉ G P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ. Căn nhà này là Tịnh Thất Ngọc B do cô bà là bà Trần Thị Tuyết P cùng các phật tử xây dựng với mục đích tu tập và thờ tự. Bà đã sinh sống cùng bà P từ năm 1996 cũng như chăm sóc bà P khi bà bị bệnh và mất vào năm 2016. Khi bà P mất bà là người lo ma chay và cúng giỗ cho bà P. Bà muốn giữ căn nhà này làm chỗ thờ cúng bà P. Do đó, bà không chấp nhận với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Trần Văn N.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Ân L, ông Trần Ân T, bà Trần Thị Ân K1 (là những người thừa kế hợp pháp của bà Trần Thị K) tại văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế di sản theo văn bản chứng thực ngày 13/6/2022 tại UBND phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang trình bày:*

Các ông bà là người thừa kế theo pháp luật của bà Trần Thị K, sinh năm 1948 - chết năm 2019. Phần tài sản thừa kế của mẹ các ông bà là căn nhà và đất tại số G P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ các anh em thống nhất tặng cho cậu là ông Trần Văn N thừa hưởng phần thừa kế của bà Trần Thị K. Ngoài ra do bận công việc nên các ông bà xin được vắng mặt tại các phiên xét xử.

** Người diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Mỹ C trình bày:*

Bà Trần Mỹ C là một trong những người thừa kế của bà Trần Thị Tuyết P. Bà C có yêu cầu được nhận một kỷ phần thừa kế trong phần di sản của bà Trần Thị Tuyết P để lại.

** Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Ngọc C1 là bà Nguyễn Thị N1, ông Trần Anh T1, ông Trần Anh H1, ông Trần Anh H2, ông Trần Tuấn H3 và ông Trần Anh K2 vắng mặt.*

* Sự việc được Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết. Tại Bản án sơ thẩm số 169/2025/DS-ST, ngày 27 tháng 6 năm 2025, đã quyết định:

Áp dụng khoản 2, 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 164, Điều 165, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: Điều 609, 610, 612, 613, 614, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật HYPERLINK "<https://trolyao.toaan.gov.vn/61%20/o%20Dân>" Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn N.

1. Buộc bà Trần Thị Thu H phải giao trả lại diện tích đất 49,4m² và căn nhà cấp 4 trên đất tại số G đường P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ cho những người thừa kế theo pháp luật của bà Trần Thị Tuyết P để phân chia di sản thừa kế theo pháp luật.

2. Tuyên bố: Di sản của bà Trần Thị Tuyết P là nhà và đất thuộc thửa 138, tờ bản đồ 05, diện tích 49m² (qua đo đạc thực tế là 49,4m²), giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 5401061701 do Ủy ban nhân dân tỉnh C cấp ngày 04/7/2003 cho bà Trần Thị Tuyết P - *(Có kèm theo trích đo địa chính)*.

Di sản của bà Trần Thị Tuyết P được chia thành 04 kỷ phần, trong đó:

+ Ông Trần Văn N được hưởng 02 kỷ phần thừa kế tương đương 50% giá trị di sản.

+ Bà Trần Mỹ C được hưởng 01 kỷ phần thừa kế tương đương 25% giá trị di sản.

+ Bà Nguyễn Thị N1, ông Trần Anh T1, ông Trần Anh H1, ông Trần Anh H2, ông Trần Tuấn H3, ông Trần Anh K2 và bà Trần Thị Thu H được hưởng 01 kỷ phần thừa kế tương đương 25% giá trị di sản.

Việc chia giá trị sẽ được thực hiện ở giai đoạn thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 07/7/2025, bị đơn bà Trần Thị Thu H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng di sản được chia làm 05 kỷ phần, trong đó bà được hưởng riêng 01 kỷ phần do có công sức nuôi dưỡng, thờ phụng bà P, công cải tạo gìn giữ di sản và đồng thời xin lưu cư 12 tháng mới phân chia di sản.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên kháng cáo theo hướng di sản được chia làm 05 kỷ phần, rút lại một phần kháng cáo về việc xin lưu cư 12 tháng mới phân chia di sản. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo và cho rằng kháng cáo của bị đơn là có cơ sở chấp nhận và đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định nên vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo và các vấn đề có liên quan đến việc kháng cáo.

[2]. Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với những người trên.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn rút một phần yêu cầu kháng cáo đối với việc xin lưu cư 12 tháng mới phân chia di sản. Xét thấy, việc rút một phần kháng cáo của bị đơn là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 298 chấp nhận việc rút một phần kháng cáo của bị đơn.

[4]. Về hàng thừa kế: Cha của ông Trần Văn N là ông Trần Văn C2 chết năm 1998 và mẹ là bà Lâm Thị D chết năm 1999, có tất cả 06 người con gồm:

1. Bà Trần Thị K, sinh năm 1943, chết ngày 27/4/2019 có người thừa kế là ông Trần Ân L, ông Trần Ân T, bà Trần Thị Ân K1.

2. Bà Trần Mỹ C, sinh năm 1945.

3. Bà Trần Thị Tuyết P, sinh năm 1953, chết ngày 15/03/2016, bà P không có chồng, con.

4. Bà Trần Mỹ V, sinh năm 1954, chết ngày 26/11/2016 không có người thừa kế tố tụng.

5. Ông Trần Ngọc C1, sinh năm 1958, chết ngày 10/4/2016 có người thừa kế là bà Nguyễn Thị N1, ông Trần Anh T1, ông Trần Anh H1, ông Trần Anh H2, ông Trần Tuấn H3, ông Trần Anh K2 và bà Trần Thị Thu H.

6. Ông Trần Văn N, sinh năm 1962.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự xác định những người anh chị em của bà P là người được thừa kế di sản là có căn cứ.

[5]. Về di sản thừa kế: Các đương sự đều thừa nhận phần đất và căn nhà gắn liền trên đất tọa lạc tại G đường P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ nay là số G, đường P, phường N, thành phố Cần Thơ thuộc thửa 138, tờ bản đồ 05, diện tích 49m² (qua đo đạc thực tế là 49,4m²), theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 5401061701 do Ủy ban nhân dân tỉnh C cấp ngày 04/7/2003 cho bà Trần Thị Tuyết P là tài sản của bà P. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tài sản này là di sản do bà P chết để lại là có căn cứ.

[6]. Xét kháng cáo của bị đơn về việc yêu cầu được hưởng thêm 01 kỷ phần, do có công sức nuôi dưỡng, thờ phụng bà P, công cải tạo gìn giữ di sản. Hội đồng

xét xử phúc thẩm thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn cũng thừa nhận bị đơn bà H người nuôi trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc bà P khi còn sống, là người chăm lo mai táng khi bà P chết và cũng là người quản lý, gìn giữ di sản trên và đồng ý di sản trên chia làm 05 kỷ phần, trong đó bà H được hưởng 01 kỷ phần công sức nuôi dưỡng, chăm sóc bà P và gìn giữ trong khối di sản, nhưng do vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên Hội đồng xét xử không công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm. Do đó, di sản cần được chia thành 05 kỷ phần bằng nhau, trong đó ông Trần Văn N được chia 02 kỷ phần gồm 01 kỷ phần của ông và 01 kỷ phần do các người thừa kế của bà Trần Thị K tặng cho tương đương với 40% giá trị di sản, bà Trần Mỹ C được chia 01 kỷ phần tương đương với 20% giá trị di sản và các thừa kế của ông Trần Văn C3 được chia 01 kỷ phần tương đương với 20% giá trị di sản và bị đơn bà Trần Thị Thu H 01 kỷ phần tương đương với 20% giá trị di sản.

[7]. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có căn cứ để chấp nhận.

[8]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9]. Về án phí sơ thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa theo hướng chấp nhận kháng cáo của bị đơn, nên án phí sơ thẩm nguyên đơn và bị đơn phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[10]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

[11]. Chi phí thẩm định, định giá: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế tài sản được chấp nhận nên những người được nhận di sản thừa kế sẽ phải chịu chi phí tương ứng với tỷ lệ di sản mà họ được chia.

[12]. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Thu H về việc xin lưu cư 12 tháng rồi mới phân chia di sản.

2. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Thu H. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 196/2025/DS-ST, ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án

nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ và được tuyên lại như sau:

- Căn cứ khoản 2, khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 164, Điều 165, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 609, 610, 612, 613, 614, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn N.

1. Buộc bà Trần Thị Thu H phải giao trả lại diện tích đất 49,4m² và căn nhà cấp 4 trên đất tại số G đường P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ cho những người thừa kế theo pháp luật của bà Trần Thị Tuyết P để phân chia di sản thừa kế theo pháp luật.

2. Xác định phần đất có diện tích đất 49,4m² và căn nhà cấp 4 gắn liền trên đất thuộc thửa 138, tờ bản đồ 05, diện tích 49m² (qua đo đạc thực tế là 49,4m²), giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 5401061701 do Ủy ban nhân dân tỉnh C cấp ngày 04/7/2003 cho bà Trần Thị Tuyết P là di sản thừa kế của bà Trần Thị Tuyết P chết để lại và được phân chia thành 05 kỷ phần bằng nhau, trong đó:

- Chia cho ông Trần Văn N được hưởng 02 kỷ phần thừa kế tương đương 40% giá trị di sản.

- Chia cho bà Trần Mỹ C được hưởng 01 kỷ phần thừa kế tương đương 20% giá trị di sản.

- Chia cho bà Nguyễn Thị N1, ông Trần Anh T1, ông Trần Anh H1, ông Trần Anh H2, ông Trần Tuấn H3, ông Trần Anh K2 và bà Trần Thị Thu H được hưởng 01 kỷ phần thừa kế tương đương 20% giá trị di sản.

- Chia cho bà Trần Thị Thu H được hưởng 01 kỷ phần thừa kế về công sức nuôi dưỡng, thờ phụng bà P, công cải tạo gìn giữ di sản tương đương 20% giá trị di sản.

Việc chia giá trị sẽ được thực hiện ở giai đoạn thi hành án.

3. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản tổng cộng là 17.000.000 đồng do ông Trần Văn N tạm ứng. Trong đó:

- Ông Trần Văn N phải chịu 6.800.000 đồng.

- Bà Trần Mỹ C phải chịu 3.400.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị N1, ông Trần Anh T1, ông Trần Anh H1, ông Trần Anh H2, ông Trần Tuấn H3, ông Trần Anh K2 và bà Trần Thị Thu H phải chịu 3.400.000 đồng.

- Bà Trần Thị Thu H phải chịu 3.400.000 đồng.

Do nguyên đơn ông Trần Văn N đã nộp tạm ứng chi phí nêu trên, nên các ông, bà có tên nêu trên có trách nhiệm hoàn trả chi phí cho ông N.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Văn N, bà Trần Mỹ C, bà Nguyễn Thị N1 được miễn án phí theo quy định. Trả lại cho ông Trần Văn N số tiền 3.333.500 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 008123 ngày 19/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Cần Thơ.

- Ông Trần Anh T1, ông Trần Anh H1, ông Trần Anh H2, ông Trần Tuấn H3, ông Trần Anh K2 và bà Trần Thị Thu H phải liên đới chịu 20.095.120 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Trần Thị Thu H phải chịu 20.095.120 đồng đối với 01 kỷ phần được hưởng.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Trần Thị Thu H không phải chịu. Trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000111 ngày 10/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

6. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND khu vực 1- Cần Thơ;
- VKSND khu vực 1-Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 1- Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, TDS, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Định

